

Số: 10/2026/QĐST-DS

Vĩnh Long, ngày 26 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1960;

Căn cước công dân số: *****, ngày cấp: 03/4/2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Passport số: *****, ngày cấp: 25/4/2016, ngày hết hạn: 24/4/2026, nơi cấp: United States Department of State (USA).

Nơi cư trú: Số 280A, Khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1956, địa chỉ: Số 160B, ấp T, xã BT, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường B, tỉnh Vĩnh Long).

- *Bị đơn:*

+ Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1963;

Địa chỉ: số 290A, Tổ 1, Khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long).

+ Bà Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1991;

Địa chỉ: số 40, Khu phố S, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trà Linh T2, sinh năm 1987; địa chỉ: số 40, Khu phố Q, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Bích T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trà Linh T2:

+ Bà Trần Thị Ngọc Như H, sinh năm 1992; Địa chỉ: 510A, ấp 1, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là 510A, khu phố P, phường AH, tỉnh Vĩnh Long).

+ Bà Nguyễn Thanh T3, sinh năm 2004; Địa chỉ: Ấp V, xã M, huyện C, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp V, xã R, tỉnh Cà Mau).

Cùng địa chỉ liên hệ: 117E1, Đ, khu phố MT, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Bích T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trà Linh T2: Ông Lê Tấn D, sinh năm 1958, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Tấn D thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ: 105B, Đ, khu phố BN, phường S, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Bích T1 (là bị đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Bé C) và ông Trà Linh T2 đồng ý giao trả lại cho bà Nguyễn Thị Bé T được toàn quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất đối với 03 thửa đất gồm:

+ Thửa đất số 2768 tờ bản đồ 01, diện tích 1.428,6m², nay là một phần thửa đất số 567, tờ bản đồ số 5 có diện tích 1.428,6m² (gồm thửa ký hiệu 567-1 diện tích 1.406m² và 567-2 diện tích 22,6m²) theo hồ sơ đo đạc ngày 27/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 19 - Vĩnh Long.

+ Thửa đất số 2769 tờ bản đồ 01, diện tích là 1.449,5m², nay là một phần thửa đất số 567, tờ bản đồ số 5 có diện tích 1.401,2m² (gồm thửa ký hiệu 567-3 diện tích 1.363,9m² và 567-4 diện tích 37,3m²) theo hồ sơ đo đạc ngày 27/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 19 - Vĩnh Long.

+ Thửa đất số 2401, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.074m², nay là một phần thửa đất số 407 tờ bản đồ số 5 có diện tích 2.109,1m² tại thửa ký hiệu 407-1 theo hồ sơ đo đạc ngày 27/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 19 - Vĩnh Long.

Đất cùng toạ lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long).

Đối với thửa ký hiệu 407-2 diện tích 3,2m² thuộc một phần thửa đất số 407 tờ bản đồ số 5 thì bà Bé T, bà X, bà T1, ông T2 thống nhất không có yêu cầu tranh chấp thửa 407-2 nên không xét đến.

(Kèm theo hồ sơ đo đạc ngày 27/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 19 - Vĩnh Long).

2.2. Bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Bích T1 (là bị đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Bé C) và ông Trà Linh T2 đồng ý thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất các phần đất nêu tại mục 2.1 nêu trên cho bà Nguyễn Thị Bé T, cụ thể các bên thực hiện như sau:

+ Bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Bích T1 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục kê khai nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Bé C đối với các thửa đất: Thửa đất số 2768 tờ bản đồ 01 (nay là thửa 567-1 diện tích 1.406m² và 567-2 diện tích 22,6m²); Thửa đất số 2769 tờ bản đồ 01 (nay là thửa 567-3 diện tích 1.363,9m² và 567-4 diện tích 37,3m²); Thửa đất số 2401, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa 407-1 diện tích 2.109,1m²); Đất cùng toạ lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long) theo hồ sơ đo đạc ngày 27/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 19 - Vĩnh Long.

Toàn bộ chi phí, phí, lệ phí, thuế phát sinh (nếu có) trong quá trình thực hiện thủ tục kê khai nhận di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Thị Bích T1 tự chịu.

+ Ngay sau khi bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Thị Bích T1 được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên do nhận thừa kế thì bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Bích T1 và bà Nguyễn Thị Bé T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện các thủ tục chuyển quyền sử dụng đất các thửa đất trên từ bà X, bà T1 sang cho bà Bé T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Toàn bộ chi phí, phí, lệ phí, thuế phát sinh (nếu có) trong quá trình thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất từ bà X, bà T1 sang tên cho bà Bé T do bà Nguyễn Thị Bé T tự chịu.

2.3. Bà Nguyễn Thị Bé T đồng ý hoàn trả cho bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Bích T1 và ông Trà Linh T2 giá trị toàn bộ cây trồng trên đất và giá trị phần công sức đóng góp trong việc gìn giữ, tôn tạo các thửa đất nêu trên với tổng số tiền là 1.250.000.000đ (một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).

2.4. Việc bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Bích T1 chuyển quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Bé T được thực hiện song song cùng với việc bà Nguyễn Thị Bé T giao số tiền 1.250.000.000đ (một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị X bà Nguyễn Thị Bích T1 và ông Trà Linh T2.

Kể từ ngày quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.5. Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng trong vụ án là 14.700.320đ (mười bốn triệu bảy trăm nghìn ba trăm hai mươi đồng) do bà Nguyễn Thị Bé T tự nguyện chịu toàn bộ. Bà Nguyễn Thị Bé T đã nộp tạm ứng và đã quyết toán xong.

2.6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 24.750.000đ (hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Bé T tự nguyện chịu toàn bộ. Tuy nhiên, do bà Nguyễn Thị Bé T là người cao tuổi, có đơn xin miễn tạm ứng án phí và miễn án phí nên bà Nguyễn Thị Bé T được miễn án phí số tiền trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GD,KT,TT&THA
TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Chí Đức

